



lí hé qì
离合器

noun · clutch (in a vehicle)

Example Sentences

Kāi chē shí yào cǎi lí hé qì huàn dǎng 。
开车时要踩离合器换挡。

When driving, you need to press the clutch to shift gears.

Zhè liàng chē de lí hé qì huài le , xū yào xiū lǐ 。
这辆车的离合器坏了，需要修理。

This car's clutch is broken and needs repair.

Trace each character, then write the word on your own.

离	离	离	离	离	离	离	离	离	离	离
离	离									
合	合	合	合	合	合	合	合	合		
器	器	器	器	器	器	器	器	器	器	器
器	器	器	器	器	器	器	器			